

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 120/2024/DS-ST  
Ngày: 22-8-2024  
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự  
tín dụng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Châu Nữ Thu Hân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Phú Hữu
- Bà Bùi Thị Hoàng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Dương Hoàng Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 317/2024/TLST-DS ngày 14/6/2024 về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 379/2024/QĐXXST-DS ngày 05/8/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Đức Thạch D, Chức vụ: Tổng Giám đốc; Cùng địa chỉ: 2 N, Phường H, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo pháp luật; Người đại diện theo ủy quyền của bà D: Ông Nguyễn Văn Bé H, sinh năm 1979; Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ (Văn bản ủy quyền số 1176/2024/GUQ-PL ngày 25/4/2024); Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Ông Bùi Minh T – Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ - Phòng kiểm soát rủi ro - Chi nhánh Đ (Văn bản ủy quyền ngày 02/5/2024); Cùng địa chỉ: Số E, đường N, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số I, Tổ C, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn có người đại diện hợp pháp là ông Bùi Minh T trình bày:

Ngày 20/01/2015, ông H1 có ký giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng với Ngân hàng TMCP S, được phê duyệt ngày 29/01/2015. Cụ thể như sau: Hạn mức thẻ 20.000.000 đồng, lãi suất vay 2,5%/tháng.

Ngày 05/8/2023, ông H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay thành nợ quá hạn. Qua nhiều lần nhắc nhở ông H1 vẫn không thanh toán.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần S do ông Bùi Minh T đại diện yêu cầu ông H1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 34.307.647 đồng. Trong đó nợ gốc: 22.427.753 đồng, lãi quá hạn 11.879.894 đồng. Ông H1 còn phải thanh toán lãi quá hạn phát sinh từ ngày 23/8/2024 đến khi trả xong nợ vay theo lãi suất quy định tại giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng ngày 29/01/2015.

*Bị đơn ông Nguyễn Ngọc H1 trình bày:*

Bị đơn có vay tiền của Ngân hàng thương mại cổ phần S như lời trình bày của ông Bùi Minh T. Ông H1 đồng ý trả nợ cho nguyên đơn, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét số tiền mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả đã được tính toán chính xác chưa cũng như xin xem xét không tính lãi phát sinh do hoàn cảnh bị đơn khó khăn, không còn khả năng trả nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự tín dụng. Bị đơn ông Nguyễn Ngọc H1 có địa chỉ tại xã T, thành phố C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông H1 trả số tiền còn thiếu theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 29/01/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm 22/8/2024, số tiền 34.307.647 đồng, trong đó nợ gốc 22.427.753 đồng, lãi quá hạn 11.879.894 đồng và lãi quá hạn phát sinh từ ngày 23/8/2024 đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng ngày 29/01/2015.

Xét trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng số 970403-9400, ông H1 đã thực hiện các giao dịch thanh toán với tổng số tiền 529.901.000 đồng, lãi 50.826.084, phí trễ hạn 1.406.425 đồng, phí vượt hạn mức là 650.000 đồng. Đến ngày 05/8/2023 ông H1 đã thanh toán cho Ngân hàng tiền gốc, lãi và phí được 529.901.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 22.427.753 đồng, từ ngày 06/8/2023 ông H1 không thanh toán đúng như nghĩa vụ giao kết cho các giao dịch phát

sinh đối với Ngân hàng là vi phạm thỏa thuận về nghĩa vụ của chủ thẻ tại hợp đồng nên căn cứ các thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và Điều 280, Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015 (Điều 471 Bộ luật Dân sự 2005) ông H1 phải có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản vay và lãi phát sinh cho Ngân hàng.

Ngày 06/8/2023, Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn và thông báo yêu cầu ông H1 thanh toán nợ. Theo đó, Ngân hàng chuyển toàn bộ khoản nợ của thẻ mà ông H1 sử dụng là 22.427.753 đồng do ông H1 không thanh toán số tiền tối thiểu là phù hợp với thỏa thuận tại Điều 19 Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Theo bảng tóm tắt sao kê và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thì đến ngày xét xử sơ thẩm 22/8/2024, ông H1 còn nợ nguyên đơn số tiền tổng cộng là 34.307.647 đồng. Trong đó nợ gốc: 22.427.753 đồng, lãi quá hạn 11.879.894 đồng. Xét việc Ngân hàng tính các khoản lãi quá hạn nêu trên dựa vào các thỏa thuận đối với khách hàng là phù hợp với các quy định của Ngân hàng N về việc cho vay của tổ chức tín dụng thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm (Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP).

Vì vậy, có đủ cơ sở để chấp nhận khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S. Buộc ông H1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 34.307.647 đồng. Trong đó nợ gốc: 22.427.753 đồng, lãi quá hạn 11.879.894 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ vay theo Án lệ số 08/2016/Al về xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường và việc trả lãi trên số tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP. Do đó, ý kiến của bị đơn không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí, nguyên đơn không phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Căn cứ Điều 209 và Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ Điều 280, Điều 463 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường và việc trả lãi trên số tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Buộc ông Nguyễn Ngọc H1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tổng cộng là 34.307.647 đồng, trong đó nợ gốc là 22.427.753 đồng, lãi quá hạn là 11.879.894 đồng.

Ông Nguyễn Ngọc H1 có trách nhiệm tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 29/01/2015 kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.715.382 đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 763.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009881 ngày 12/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKS ND TPCL;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Nữ Thu Hân**